

LUẬN KINH KIM CANG BÁT NHÃ
BA LA MẬT PHÁ THỦ TRƯỚC BẤT HOẠI
GIẢ DANH

QUYỂN HẠ

Tôn giả Tu-bồ-đề nghĩ: Chư Phật đã lừa tất cả các tướng, chứng được tánh không của Pháp, vậy thế gian này, nương vào tướng nào mà tin mà biết? Thế nên, kinh nói: “Như Lai là lời chơn chánh, là lời nói thực, là lời đúng đắn, là lời không sai khác.

Vì sao chỉ có bốn điều như thế, để chỉ bày là chư Phật đã chứng được chân thật và lừa các tướng?

Vì ở thế gian, nhiều kẻ chỉ mong cầu danh lợi, nên đối với pháp của bậc thượng nhân chưa chứng mà họ nói đã chứng. Phật thì khác với kẻ đó, nên chỉ nói lời chơn chánh.

Lại có kẻ tham lam hèn kém, nhiều kiêu căng dối trá, từng đã được thần thông, nhưng tự biết mình đã mất từ lâu, khi có người đến hỏi, thì chỉ âm ừ bảo là: “Trước đây có được. Phật xa lừa tâm ấy nên gọi là nói thật.”

Lại có kẻ tu hành, “được định thế gian, tâm tạm thời chẳng sinh tượng, đồng với sự vắng lặng Niết-bàn, nhưng hưởng về mọi người, nói là ta đã chứng Niết-bàn...”. Để dẹp hẳn các lầm lỗi đó, nên Như Lai nói lời đúng đắn. Lời nói này đúng như cái đang có, đúng nghĩa đó, và theo lời nói, từng chữ nghĩa so sánh thì biết ngay; đó tức là đồng hành vậy. Như lúc giảng giải nghĩa lý, tất có cái giống nhau hoặc trái nhau, cho đến nói rộng.

Đồng hành, tức là như bò mẹ đi đâu, nghé con cũng theo đến đó. Nói đúng đắn là như thế nên biết. Điều này chỉ rõ Như Lai đã dứt hết tất cả các chướng và đúng như quả đã chứng ra sao mà nói thế. Không như những kẻ được thiền định thế gian, nói đã chứng Niết-bàn nhưng thật ra thì chẳng còn gì!

Thế nào là nói lời không sai khác? Vì các phàm phu đối với thành

Kiền Thát Bà, theo như chỗ họ thấy, chỉ là những hình ảnh hư ảo, ánh sáng trời hoặc vòng lửa xoay, họ mê chấp, cho là lạ, khác thật. Chư Phật thì không thế, nên nói Phật là lời không sai khác. Đây là thế nào? Vì các kẻ phàm phu chấp cho là thành quách... chứ chẳng phải là thành quách gì cả, chỉ có tên gọi sai khác mà thôi. Các thứ Như Lai đã chứng, chẳng hề giả dối, nó có tánh không lừa dối, nên gọi là chẳng sai khác. Thế cho nên, những điều nói ra chưa bao giờ là giả dối. Làm sao biết được? Vì Phật đã trừ sạch tất cả các chướng, có chứng, cùng những lời chỉ dạy theo đó xét luận ra mà biết rõ.

Thế nào là chứng? Thí dụ nói sắc là vô thường v.v... thì sắc pháp hiện có thật, là vô thường.

Thế nào là giáo? Như kinh có nói: “Này Đồng tử! Ta biết tất cả, thấy tất cả”. Nghĩa là vậy.

Lại nữa, các thứ rất chính xác đúng thật thì gọi là Tứ đế. Như Lai đã chứng biết bốn nghĩa lý sâu xa này, nên mới trình bày ra. Những điều không biết mà vẫn nói thì không có sự việc đó!

Ở đây nói chân chánh là khi nói về Khổ đế: Các uẩn như sắc v.v... thì đúng là khổ. Còn lời nói thực, là nói về Tập đế, ở đây Ái đúng là nhân gây ra khổ, không phải Tự tại v.v... có thể làm nhân đó. Còn lời nói đúng, là nói về Diệt đế là Niết-bàn Vô vi. Các pháp hữu vi là giả dối, còn Vô vi thì trái lại. Như nói các pháp Vô vi tánh chẳng bao giờ giả dối, nên gọi là lời đúng đắn. Về lời chẳng sai khác, là nói về Đạo đế. Nếu ai nói, lia Bát chánh đạo mà chứng được Niết-bàn, thì đó là nói dối, không đúng thực. Vì Đạo này là đúng thực, không dối.

Có kẻ ngờ hỏi: Nếu chư Phật, đã lia bỏ tất cả tướng, thì làm sao, đối với các pháp hiện tại chứng biết, để rồi nói, Bát chánh đạo là thực, còn nhìn vào nước lửa v.v... bảo là hư dối? Nói thật, dối như vậy là đã có các phân biệt?... Do đó mà kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Pháp của Như Lai đã được và pháp của Như Lai đã giảng nói, đều không thực, mà cũng chẳng dối.” Nghĩa này là thế nào? Vì Như Lai đã chứng Đệ nhất nghĩa, thấy rõ tất cả pháp vốn là tánh vô sinh (không sinh). Vì không sinh, nên chẳng từng có. Thế nào gọi là thực? Đã không sinh ra thì làm gì có diệt. Thế nên nói chẳng phải dối. Thực và dối, cả hai cảnh, đều không thể có được, thế thì làm sao sinh ra các tướng phân biệt? Các pháp được nói đều có tính chất vẫn tự chữ nghĩa, mà vẫn tự là hữu vi, cho nên chẳng phải là thực. Nhưng nương vào đó mà tu hành, để chứng đạo chơn thực, nên chẳng phải là dối.

Lại có nghi: Nếu các pháp đã chứng, là không sinh, không có tự

tánh, không phải thực, chẳng phải đối, tức là thân chư Phật Đệ nhất nghĩa. Theo đó làm nhân, cả ba thân đều được thành tựu viên mãn, thì vì sao Bồ-tát lại bỏ pháp đã chứng để trụ vào sự mà bố thí vậy?

Để dẹp trừ nghi này, kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Ví như có người đi vào chỗ tối, thì không còn thấy gì. Nếu Bồ-tát, có tâm trụ vào sự việc mà bố thí v.v... “Đấy là hai dụ tối và sáng, để chỉ rõ lỗi lầm của công đức có trụ và công đức không trụ. Nghĩa đó thế nào? Tức là như người ở trong đêm tối, bỏ con đường bằng phẳng, đi vào lối nhỏ quanh co, hiểm trở, để chịu lấy biết bao khổ nạn, chỗ vui sướng gần gũi đó mà chẳng thấy biết. Như thế, nếu các Bồ-tát, trụ vào sự để bố thí, thì khác nào, bỏ con đường đất bằng phẳng mà đi vào ngõ hẹp vòng vèo đầy hiểm trở. Khác nào ở chốn sinh tử, chịu nhiều khốn khổ thì biết đến bao giờ mới đến được chốn Niết-bàn?

“Như người có mắt”, là chỉ cho người đã được Nhãn Vô sinh.

“Phần đêm đã hết”, ý nói lia bỏ quả báo, ái dục.

“Ánh mặt trời chiếu sáng”, là thấu hiểu chắc chắn các pháp tánh đều không tánh. “Thấy đủ mọi thứ hình ảnh màu sắc”, tức đã tỏ ngộ tất cả pháp đều chẳng giảm bớt, chẳng sinh thêm, chẳng dứt mất, chẳng là một, cũng chẳng là khác, chẳng hề đến, cũng chẳng ra đi, tất cả đều không có gì có thể đạt được v.v... Bồ-tát nên trụ như thế mà bố thí, thì sẽ nhanh chóng được quả Chánh giác, chứng Đại Niết-bàn.

Trong tất cả các pháp tu hành này, đều có lợi mình và lợi người. Tự lợi lại có giáo tu hành và nghĩa tu hành. Giáo tu hành, tức là thọ trì đọc tụng. Nghĩa tu hành, tức là lắng nghe và suy nghĩ kỹ lưỡng. Lợi tha, tức là vì người mà giảng nói. Như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào, đối với kinh này, thọ trì, đọc tụng, tu tập, diễn nói... Thì Như Lai đều thấy người ấy và đều biết người ấy, sẽ tạo ra được vô lượng tụ phước đức như thế và cũng được thọ nhận vô lượng phước đức như thế.

Trong đấy, “Thọ”, tức chỉ cho người có tâm lãnh nhận. Trì, tức là ôn nhớ mãi không quên “Đọc tụng”, tức là ngâm đọc lời văn. “Tu tập” tức là lắng nghe và suy tư tìm hiểu. Còn cái tướng của vô lượng tụphước đức thì như thế nào? Kinh nói: Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, buổi sáng, đem Hằng sa thân bố thí... cho đến... đối với pháp môn này, tâm tin tưởng, không chê bai v.v... thì phước bố thí này, sẽ hơn hẳn phước trước; vì sự việc và thời gian cả hai thứ đều lớn và nhiều. Sự việc lớn, là như kinh đã nói, lấy Hằng Hà sa thân mà bố thí. Còn thời gian lớn là như kinh nói: Trải quả trăm ngàn ức Na-do-tha kiếp.

Tu hành được quả tùy ý. Nay hỏi quả tùy ý là thế nào? Tức là người tu hành, từ đầu cho đến lúc chưa thành Chánh giác, từ kiếp này sang đời khác, có được bao nhiêu công đức, thấy đều ước hẹn cho quả vị Phật cả. Công đức là gì? Tức là không bị các thứ ma và ngoại đạo ngăn trở rối loạn. Vì công đức lớn, nên quả phước bền chắc, đặc biệt cao tốt không ai bằng, là thứ pháp khí cao quý nhất, là hành trang đầy đủ nhất. Như thế, mới có thể gánh vác việc rất khó, tin hiểu sâu sắc rộng lớn làm chỗ nhân của phước. Từ đó có thể diệt hết mọi tội lỗi và mau chứng quả vị.

Ở đây, nói ma và bọn ngoại đạo không thể ngăn trở, rối loạn; thì kinh có nói: “Pháp môn này, chẳng thể nghĩ bàn” Nghĩa này là thế nào? Vì oai lực của pháp này là chẳng thể nghĩ bàn vậy. Người này, có phước huệ, vượt hơn các trí cảnh, nên các thứ tà quấy chẳng thể ngăn cản, phá rối được, đó là vì có công đức lớn. Lại đặc biệt thù thắng không gì bằng; kinh nói: “Chẳng thể xưng kể suy lường”. Vì người này có thể thọ trì pháp môn; chẳng thể suy lường, vì oai lực các công đức khác, không thể sánh bằng. Thế nên mới nói, người này rất là tuyệt diệu và cao tốt. Quả phước bền chắc, kinh nói: “Có vô lượng quả báo ác xấu, cũng không làm trở ngại được”. Vì có công đức rộng lớn nên người này, ở trong cõi Trời và Người, sẽ nhận được các phước báo đặc biệt tốt đẹp, mà không ai có thể bức bách, cướp đoạt của họ được. Loại pháp khí cao quý nhất, kinh nói: “Pháp môn này Như Lai nói cho người phát tâm Đại thừa, cho người phát tâm tối thượng thừa”; Pháp như vậy, đâu dám lấy sự hư dối mà trao cho để dùng làm pháp khí?!

Hành trang đầy đủ nhất, kinh nói: “Nếu có người nào, thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà giảng nói”. Trong đây, thọ trì đọc tụng vì người khác giảng nói thì phước đức tăng trưởng thêm nhiều, còn lắng nghe và suy nghĩ, thì trí tuệ tăng trưởng thêm nhiều.

Sự tăng trưởng như thế nào? Như kinh nói: “Mọi thành tựu được đều không thể nghĩ, không thể xưng kể, chẳng có ranh giới, đạt được vô lượng tụ công đức”.

Nói “Vô lượng”, là ý muốn chỉ rõ công đức này, không phải là lãnh vực suy lường của tất cả tâm. Cho nên nói suy nghĩ là chẳng thể biết được, chẳng thể chấp lấy được, chỉ có thể xưng kể là vô biên không ngăn mé mà thôi!

Có thể gánh vác việc rất khó, thì kinh nói: “Những người như thế, tức có thể đảm trách, gánh vác đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai”. Nghĩa này thế nào? Ví như Phật đã thành tựu được diệu

pháp khó nghĩ bàn, dạy dỗ cứu độ quần mê, khổ não, không sót một người nào. Người trì kinh này, cũng phải như thế.

Tin hiểu sâu sắc rộng lớn; kinh nói: “Nếu những người nào chỉ ưa thích những pháp nhỏ nhặt, thấp bé; đối với kinh này không thể thọ trì đọc tụng v.v..” Tin hiểu rộng lớn, tức là không có tính ưa thích chi li. Tin hiểu sâu xa, là không có các thứ ngã kiến v.v... Chỗ nhân của phước, kinh này nói: “Ở mọi chỗ nào, mọi nơi nào; có nói kinh này v.v...” đó là nơi tập hợp phước đức, bỏ các tội lỗi; gọi đó là linh tháp (Chi-đề).

Người thường diễn nói pháp này, thì có công đức ngang bằng với nơi chốn có sự thuyết pháp, mặc dù ở đó, không có việc suy nghĩ, thọ trì, diễn nói. Trừ được tất cả tội ác, kinh nói: “Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, thọ trì, đọc tụng kinh này, bị người khác chê v.v...”

Thọ trì kinh này ắt sẽ được thành Phật, nhưng trái lại bị người khác khinh chê, là vì cố gì? Kinh nói: “Người ấy đời trước có tội ác, nghiệp báo, đáng lẽ phải bị đọa vào cõi ác, nhưng đời này chỉ bị người khinh khi, là vì các tội nghiệp đời trước đã được tiêu diệt”.

Trong Phẩm Như Lai có nói: Nếu lại có người thọ trì kinh này, cho đến chỉ diễn nói thì khi người ấy sống ở đời hiện tại, nếu có nhiều ác mộng khi ngủ, hoặc bị trọng bệnh, hoặc khi bị rước bắt, cưỡng ép, bức bách đuổi đi xa, hay bị mắng nhiếc làm nhục, đánh đập... cho đến làm tổn hại mạng sống, với bao nhiêu nghiệp ác như vậy; thì cũng đều được tiêu trừ. Cho nên có lời tụng:

*Nếu người tạo nghiệp ác,
Làm rồi sinh sợ hãi,
Nếu trước người, tự hối,
Sẽ nhỏ cả gốc tội.*

Có lòng sợ hãi, biết ăn năn hối lỗi, dứt được cả gốc rễ của tội ác; huống chi đối với người biết thọ trì chánh pháp! Điều này há không trái nghịch với lời dạy khác sao? Như nói:

*Tuy nghiệp hàng trăm kiếp
Nhưng rốt cuộc chẳng mất
Khi mọi duyên hội ngộ
Nhất định phải sinh quả.*

Đây chẳng có gì trái nhau cả. Nghĩa là thế nào? Tạm thời như nghiệp quả phải đọa vào đường ác của mười nghiệp bất thiện, nhưng do thọ trì chánh pháp và biết sám hối các tội đã làm, nên tuy quả vĩnh viễn không đọa vào đường ác mà thân hiện tại vẫn chịu các khổ quả, nào có mất mát gì! Chẳng đọa vào đường ác, đâu phải là đã dứt gốc nghiệp ác!

Như có người bị tội, nhất định phải đọa vào ngục vô gián, thì sau khi chết, nhất định là phải sinh vào địa ngục đó thôi! Nhưng đáng lẽ, phải ở đó trọn kiếp, thì chỉ ở phút chốc, rồi lại ra ngay, như việc vua A Xà Thế v.v... Vì vậy, không trái nhau.

Mau chứng được quả vị, kinh nói: “Ta nhớ thời quá khứ, cách nay vô lượng A tăng kỳ kiếp, cho đến... nếu lại có người ở đời sau, có thể thọ trì, đọc tụng kinh này và diễngiảng rộng rãi cho mọi người được nghe hiểu... thì bao nhiêu công đức của Ta, đã cúng dường vô số chư Phật, trong suốt vô lượng A tăng kỳ kiếp đó, so với công đức này, cả trăm phần, không được một”.

Như thế là nghĩa gì? Là vì phước đức cúng dường vô biên chư Phật kia, không thể chứng được pháp chơn thật. Còn thọ trì pháp môn này, nhanh chóng được chứng. Thế nên mới nói đó là oai lực của công đức thọ trì kinh. Giả sử ,phước thọ trì kinh là một trăm phần, thì phước cúng dường Phật kia, không bằng một, cho đến cũng không bằng một phần của ngàn phần, trăm ngàn phần và số phần... suy ra mà biết.

“Số phần”, thì gồm có sáu mươi mức, quá đấy, là số rất bé, không bằng một Ca-la, tính đếm chẳng tới được, “Chẳng tới”, đây là nói số Ca-la bé nhất, không số nào bé hơn được nữa, nghĩa là phước thọ trì kinh, dù lấy phần bé nhất, nhưng phước ấy hãy còn là quá nhiều so với phước trước, tính toán đến cùng cực, cũng không bằng... Phần bé nhất mà còn thế, huống là tất cả. “Ưu Ba Ni Sa”, tức là nhân. Nghĩa nó thế nào? Tức là phần nhỏ của phước này, liền có thể làm nhân, cho quả cao tốt kia, còn nếu gom chung cả bao nhiêu tụ phước trước kia, cũng không làm nhân được, vì nó không thể chứng được quả chân thực.

Thí dụ về chẳng bằng, là như có bé gái được khen là mặt đẹp như trăng rằm, nhưng mặt của bé ấy, đâu thể hoàn toàn như mặt trăng, vì chỉ có một vẻ tươi tắn, sáng sủa, giống nhau đó thôi. Còn khối phước đức trước kia, lại không bằng như thế, vì không có một tí nào giống nhau để thí dụ cả. Còn đây thì sao? Nghĩa là, chỉ cái phước thọ trì, đọc tụng lời văn, mà phước trước, đối với đây, chẳng giống nhau. Còn người có tánh tình ngang ngược, phước mỏng mà hay lẳng lòng nghe nhận văn tự kinh này, thì kinh nói: “Nếu Ta nói đầy đủ, có người nghe được, thì tâm thần si đại, mê mờ, trở lại chê bai khinh rẻ”; tức là khi nghe nói oai lực của công đức này, vừa suy nghĩ, liền chẳng tin. Cho nên như kinh nói: Pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn, cả hai đều cùng khó nghĩ bàn về sự hơn hẳn của oai lực công đức ấy.

Tu-bồ-đề! Tại sao lại nói về phát tâm Bồ-tát thừa, nên trụ như

thế nào v.v...? Ý đây muốn hiển bày đầy đủ tướng của nhân thanh tịnh. Thế nào là hiển bày đầy đủ và chẳng đủ? Nghĩa là khi tu nhân, chẳng phải chỉ lìa bỏ ba sự, các tướng tướng, thì liền được gọi là thanh tịnh; mà cần phải lìa bỏ cái ta trụ, ta tu, ta hàng phục tâm ... và tất cả các tướng như thế, mới được là thanh tịnh. Như kinh nói: “Nên sinh tâm như thế... đến... thật không có một pháp nào, gọi là phát tâm Bồ-tát thừa cả! Đây là sao? Theo Đệ nhất nghĩa thì không có chúng sanh nào được nhập Niết-bàn cả, cũng không có pháp nào, gọi là Bồ-tát, Phát tâm, trụ quả, tu hành, hàng phục... là đối với chỗ không có gì, mà lại dấy lên có tướng, đó là cái hành điên đảo, chứ nào phải là cái nhân thanh tịnh!

Lại có nghi: Nếu không có Bồ-tát phát tâm, hướng về Đại thừa, thì không có cái nhân, để chứng quả vị Phật, để hoàn thành trọn vẹn bốn thứ hạnh nghiệp lợi ích chúng sinh.. Vậy tạo sao, Thế Tôn ở chỗ Phật Nhiên Đăng, mà được thọ ký là: Ở đời vị lai ông sẽ được thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni, có thể hoàn thành bốn sự nghiệp lợi ích chúng sinh?

Để dẹp trừ nghi này, kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Thuở xưa Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, có pháp nào để được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Ở đây ý nói: Thuở xưa, Phật đã chứng nghĩa chân thật, nên khi được thọ ký, thì chẳng thấy có một chút pháp nào, gọi là Vô thượng Bồ đề cả. Thế của nhân, vì không có gì có thể là được cả, cho nên được trao lời thọ ký tôn quý. Đấy, tức là đã chứng biết, tất cả pháp đều không có gì có thể là được cả. Như kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Như Lai, Ngài là Chơn như vậy” Chơn như, là nghĩa không có gì có thể là có được. Tu-bồ-đề nghĩ: Đối với lời nói này, ta không nghi ngờ chi cả, nhưng có người nói: Ở chỗ Phật Nhiên Đăng, không thấy có một pháp nào, mà lại được Bồ Đề và an tọa nơi tòa Giác ngộ, đâu lại có chuyện như thế được? Thế nên kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: Như Lai có chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì người ấy chẳng nói thực... cho đến... pháp của Như Lai chứng được, thì nó không phải thực, cũng chẳng phải dối”. Nghĩa này thế nào? Phàm đã có thực, có dối, thì nó sinh ra từ chỗ có mà được. Khi có, nói là thực, nhưng đến lúc hư mất, mới biết là dối. Còn đối với không có gì có thể là có được, thì cả thực lẫn dối đều sai.

Lại có người nghi: Nếu Như Lai chỉ chứng cái không có gì có thể là có được (vô sở đắc), thì Phật pháp tức là một, chứ không phải là vô biên. Thế nên, kinh nói: “Như Lai nói, tất cả pháp đều là Phật pháp”.

Phật pháp là gì? Tức là không có gì có thể là có được. Vì chưa từng có một pháp nào, có tánh có thể là có được, Thế nên nói tất cả không có gì không phải là Phật pháp. Vì sao tất cả pháp, đều không có gì có thể là có được? Kinh nói: “Tất cả pháp tức chẳng phải tất cả pháp”. Vì sao chẳng phải? Là vì tánh vô sinh. Nếu không sinh tức là vô tánh. Thế tại sao lại gọi là tất cả pháp? Đây là ở trong vô tánh, giả đặt để nói thế thôi. Tất cả pháp, đều không có tánh, tức là Như Lai tạng tánh của chúng sinh. Thế nên Thế Tôn sắp hiển bày cho sáng tỏ. Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Thí như có người, thân vi diệu, to lớn v.v... Thân vi diệu to lớn, tức là thân tánh không. Thế nào là vi diệu? Tức là tùy theo chỗ ở, mà không đổi khác, tất cả chúng sinh đều cùng có. Như nói tánh không của một chúng sinh này và tánh không của tất cả chúng sinh kia, thì Như Lai có và chúng sinh cũng có.

Tại sao chỉ nói Như Lai tạng tánh, tất cả chúng sinh đều có, mà không nói, Chúng sinh tạng tánh mà Như Lai có? Ấy là vì, các chúng sinh, chưa chứng được lý không, còn Như Lai thì đã chứng. Như có kinh nói: “Trong nội thân của chúng sinh có Như Lai tạng đầy đủ tướng đẹp đẽ trang nghiêm. Như thế đâu có khác gì việc vọng chấp có thần ngã? Tuy nói như thế, nhưng hiểu rõ tánh Không, thì gọi là pháp thân. Pháp nhân là nhân, sinh ra sắc tướng, chứ không phải giống như cách nói của ngoại đạo về ngã.

Như kinh Lăng Già nói: “Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trong các Tu Đa La (kinh điển) có nói: Như Lai tạng, bốn tánh thanh tịnh, đầy đủ ba mươi hai tướng, chúng luôn luôn hiện diện thường còn và không bao giờ thay đổi, trong thân của tất cả chúng sinh. Nhưng vì tham-sân-si và các tướng phân biệt, cùng các uẩn giới, luôn luôn ràng buộc che kín. Không khác, một viên ngọc báu vô giá, bị gói bọc trong cái áo nhơ bẩn. Bạch Thế Tôn! Lời nói này thế nào là khác với tà thuyết, tà luận của ngoại đạo, cho Ngã là thường còn, là chủ nhân tạo tác, thể của nó không phải Cầu na biến khắp vô tận?” Phật bảo: Này Đại Huệ! Những điều ta nói về nghĩa của Như Lai tạng, không giống như ngoại đạo nói, về các ngã của họ. Như Lai Tạng, tức là cái Không tánh, Thực tế, Niết-bàn, không sinh, không diệt, không tướng, không nguyện... có các nghĩa như thế. Vì muốn ngăn ngừa kẻ phàm phu sợ hãi, khi thấy không có ngã, nên Như Lai nói: môn Như Lai tạng, là cảnh giới không giả dối, không có các phân biệt đó thôi. Này Đại Huệ! Ở đời hiện tại và vị lai; các Bồ-tát, Đại Bồ-tát chẳng nên căn cứ vào Như Lai tạng đã nói đó mà sinh ra ngã kiến.... Cho đến nói rộng”.

Tu-bồ-đề muốn trình bày rõ ràng về thân vi diệu to lớn, có nghĩa là tánh Không, Kinh nói: Như Lai nói: “Người có thân đẹp đẽ, to lớn ấy; tức chẳng phải thân”. Chẳng phải thân, nghĩa là lấy sắc thân nương vào thật nghĩa mà nói. Vì nó là tánh không sinh, nên nói, tính không sinh là vi diệu to lớn, nó không phải là sắc thân.

Ở trên, đã nói tướng của nhân thanh tịnh, nhưng nghĩa chưa được đầy đủ. Vì muốn cho thật rõ ràng, đầy đủ hơn, nên kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như thế, nếu nói mình có diệt độ vô lượng chúng sinh, thì chẳng phải là Bồ-tát v.v...”

Vì cần phải trừ bỏ tất cả mọi cái thấy phân biệt, về có kẻ độ và người được độ đi; thì hơn tu hành của Bồ-tát, mới được thanh tịnh.

Lại nữa vì muốn thành tựu tâm không phân biệt đó, nên kinh nói: “Lại có pháp nào gọi là Bồ-tát chẳng? Thầy Tu-bồ-đề thưa: Không có, Bạch Thế Tôn!... cho đến... Phật nói: Tất cả pháp đều không có ngã, không có chúng sinh v.v...”. Vì theo Đệ nhất nghĩa thì không có Bồ-tát, không có phạm phu... Còn nói: “Ta phải trang nghiêm cõi nước Phật, thì không gọi là Bồ-tát”. Đó là tu nhân còn vướng chấp. Đối với sắc, v.v... gom tụ để thành cõi nước Phật, thì như vậy là còn chấp lấy. “Tức chẳng phải trang nghiêm”, đó là nói về thật nghĩa vô sinh. “Ấy gọi là trang nghiêm”, tức là theo Tục đế mà nói. “Khi đã thông suốt được pháp vô ngã, gọi là Bồ-tát”, là lìa hết thấy tướng, thì nhân mới được thanh tịnh.

Lại có nghi: Nếu nhân thanh tịnh là phải lìa hết tướng, như thế thì còn có cảnh để có thể nắm bắt hay không có cảnh? Thế nên ở đây lại nói về cảnh giới Phật.

Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có mắt thịt không? Trưởng lão Tu-bồ-đề thưa: Đúng thế, Bạch Thế Tôn! Như Lai có mắt thịt... cho đến... Như Lai có mắt Phật không? Tu-bồ-đề thưa: Đúng thế, Bạch Thế Tôn! Như Lai có mắt Phật v.v... Vì sao lại nói Như Lai có đủ năm thứ mắt? Đây là chỉ rõ, Như Lai đều biết rõ tất cả mọi cảnh giới. Trong đó có những cảnh của chúng sinh, có những cảnh không phải chúng sinh... như kinh nói: “Hết thấy chúng sinh, có bao nhiêu loại tâm trụ v.v...” Là chỉ rõ Phật hiểu rất rõ các cảnh quả chúng sinh Còn “có Hằng hà sa số thế giới v.v...” là nói, Phật hiểu rõ những cảnh chẳng phải chúng sinh.

“Có bao nhiêu loại tâm trụ”, tức là nói về các sự ưa thích không giống nhau. “Trụ”, có nghĩa là liên tục chuyển đổi mãi.

Có người nghi: “Tâm phải trụ vào đó, vì vậy mới có cái thể của nó”. Vì vậy kinh nói: “Như Lai nói: Các tâm trụ đều chẳng phải là tâm

trụ”. “Chẳng phải tâm trụ”, đó là theo Đệ nhất nghĩa, tức là không liên tục.

Như kinh nói: “Vì sao? Nay Tu-bồ-đề! Tâm quá khứ chẳng nắm bắt được, tâm hiện tại chẳng nắm bắt được, tâm vị lai cũng chẳng nắm bắt được” Đây là nghĩa thế nào? Vì tâm quá khứ đã mất rồi, tâm vị lai thì chưa sinh, còn tâm hiện tại thì không dừng trụ. Nó không có hình dáng gì cả!

Kinh Bảo Tích nói: “Này Ca Diếp! Tất cả Phật, chẳng thấy tâm quá khứ, chẳng thấy có tâm vị lai, chẳng thấy có tâm hiện tại... cho đến nói rộng...”. Kinh nói: “Nếu tu phước đức là thật có, thì Như Lai chẳng nói là tu phước đức” Đây là ý gì? Tu là chỉ cho nghĩa các “uẩn”, nó chỉ là giả danh, chứ không có thật; vì thật tức là chẳng phải uẩn. Còn nói gì về tu? Vì sao mà biết nó giả danh, chẳng thực? Vì theo Đệ nhất nghĩa, thì không có chứa nhóm tích tụ. Chỉ theo Tục đế mà nói có như thế thôi. Như thế cả năm thứ mắt đều không có gì có thể có được, thì đó là cảnh giới Phật. Vì thế, nên biết: Phải lia các tướng, mới có nhân thanh tịnh và không có cảnh nào là có thể nắm bắt được cả. Thế nên trong Đại Bát Nhã Ba Mật có nói: “Này Tu-bồ-đề! Như Lai có năm thứ mắt, nhưng đối với Đệ nhất nghĩa, thì đều không có gì là có mắt cả. Nếu nói nắm bắt được thì đó là kẻ ngu si, chê bai ta đó”.

Lại có nghi: Nếu theo Đệ nhất nghĩa, cảnh giới Phật, là không có gì có thể có được, nhưng sắc tướng của Như Lai há cũng chẳng có sao?

Để trừ bỏ nghi này, kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có thể dùng sắc thân đầy đủ, mà nhìn thấy Như Lai không? Tu-bồ-đề thưa: Dạ không, Bạch Thế Tôn!v.v...”. Đây là chỉ rõ về việc thấy pháp thân Phật. Thế nào là thấy? Như kinh nói: “Như Lai nói: Sắc thân đầy đủ, tức chẳng phải là Sắc thân đầy đủ v.v...” Đây là nương vào thật nghĩa, tức là đối với sắc tướng, mà thấy pháp thân. “Chẳng phải là đầy đủ” thì đó là pháp thân... Như đã nói: “Tính vô sinh, chính là Như Lai thường trú”. Cho đến nói rộng...

Lại có nghi: Nếu theo Đệ nhất nghĩa thì cảnh giới Phật, và Thân sắc tướng, đều không có “thể” của nó. Như thế, thì tướng thân ngôn thuyết với các phước đức đầy đủ, tạo nên ấy cũng lại chẳng có sao?

Để trừ bỏ nghi này, kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có nghĩ: Ta có nói pháp không? v.v...”

Ở đây có ý muốn, nhất định trừ chấp “có nói”. Kinh nói: “Nếu người nào nói Như Lai có nói pháp, tức là chê bai Phật... đến... không có pháp nào có thể nói, ấy gọi là nói pháp”.

Đây là nghĩa thế nào? Tức là: Lời nói không có cái thế của nó. Chẳng thấy nó có trong có ngoài, có lậu, không lậu, cũng không thấy có một chút pháp nào là chơn thực có thể nói được cả!

Tu-bồ-đề muốn trình bày: Là lời nói đó, rất khó tin hiểu. Thế nên kinh nói: “Lại có chúng sinh nào, ở đời vị lai, khi nghe nói pháp, mà sinh lòng tin chẳng? ... cho đến... Đó chẳng phải là chúng sinh, cũng chẳng phải là không chúng sinh v.v...”

Thế nào là chẳng phải chúng sinh? Theo Đệ nhất nghĩa, thì từ uẩn này đến uẩn khác, cứ mãi tìm kiếm cái thế của nó, thì chẳng thế nào có được. Như kinh nói: “Chẳng phải là chúng sinh”. Lại nói “chẳng phải không là chúng sinh”, đấy là vì Tục đế, nương vào nghiệp quả tương ứng của năm uẩn mà đặt ra thế. Vì như kinh nói: “Ấy gọi là chúng sinh”.

Lại nữa, có nghi: Nếu theo Đệ nhất nghĩa, thì cảnh giới Phật và sắc thân Phật, đều nói là chẳng thế nào có được, như thế, thế tánh pháp thân chẳng lẽ cũng vậy sao?

Để dẹp nghi này, kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao”? Lại có pháp nào, mà Như Lai chứng được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Không có, Bạch Thế Tôn! v.v... Đây là nghĩa gì? Tức ý nói: Phật đã chứng pháp chơn thật, không còn thấy, có một chút pháp nào là pháp sở đắc cả. Vì không có gì là pháp sở đắc không có gì là pháp sở đắc. Kinh nói: “Vì là pháp bình đẳng, không có cao thấp”. Thế nào là bình đẳng? Như kinh nói: Vì không có ngã, không có chúng sinh, không có mạng, không có chấp giữ. Như thân mạng này, trong không có ngã, là bình đẳng! Không nắm bắt được, thì pháp vô ngã cũng như thế. Lý “không có pháp sở đắc, không có ngã cũng như thế”. Lý “không đắc” được, do nhân nào mà chứng được?

Kinh nói: “Là tất cả pháp thiện”.

- Vì sao thế của pháp thiện có thể là có được? Mà lại có thể chứng được lý không sở đắc? Pháp đã không giống nhau, tại sao nhân lại thành? Kinh nói: “Pháp thiện đó, Như Lai nói là chẳng phải pháp” Vì sao là chẳng phải pháp? Vì tánh không sinh của Đệ nhất nghĩa. Phải nên biết, chính cái nhân này, là không có gì là pháp sở đắc cả. Còn pháp thiện đó, là theo Tục đế mà nói, chứ nó không phải là nghĩa chơn thật.

Vì sao, lại lấy số lượng bụi li ti và núi Tu-di để đo lường phước bố thí các báu vật? Đó là vì muốn làm cho các kẻ tu hành, trì kinh, phát tâm mạnh mẽ hơn lên.

Lại có nghi: Nếu Như Lai nói: Chẳng phải chúng sinh; thì làm thế

nào không trái nghịch với những lời dạy khác? Ví như có kinh nói: “Có vô lượng chúng sinh, vì được ta làm bạn lành, cho nên thân mạng, cùng các khổ não, đều được giải thoát”.

Để dẹp trừ nghi này, kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Ông nghĩ sao? Như Lai có nghĩ là Ta độ chúng sinh chăng? ... đến... Thật ra không có chúng sinh nào, được Như Lai độ cả! v.v...”. “Không chúng sinh”, đó tức là Đệ nhất nghĩa vậy. Lại vì tâm đại từ bi, coi tất cả chúng sinh, đều cũng như chính mình” Nếu thật có chúng sinh nào khác, để Như Lai cứu độ, lập tức, Như Lai sẽ có bốn thứ: Chấp ngã, chấp chúng sinh v.v... Vì sao? Vì khi thấy có ngã, tức có độ chúng sinh, đó là chấp có ta (chấp ngã) rồi!

Vì sao chẳng muốn chấp ngã v.v...? Kinh nói: “Chấp ngã đó, Như Lai nói là chẳng phải chấp”. “Chẳng phải” nghĩa là gì? Đó có nghĩ là bất thiện. Thế nào là bất thiện? Đó là trói buộc chúng sinh, ở trong sinh tử. Lại nữa, “chẳng phải”, có nghĩa là không có thể tánh. Là sao? Nghĩa là không có ngã để chấp (sở thủ) và cũng không có người chấp ngã (năng thủ).

- Nếu ngã v.v... và các thứ chấp, là không cố thể hiện hữu được, thì sao dùng trừ bỏ ngã nói là chẳng phải chấp? Vì các phàm phu ngu mê, vọng chấp, điên đảo. Nói chẳng phải chấp, là muốn cho chúng hiểu mà bỏ chấp đi. Như kinh nói: “Chỉ có những kẻ phàm phu vô trí, sinh những vọng chấp như thế v.v.. Những kẻ chưa được chứng Thánh, mỗi người tự phong cho cái ngã của mình, khác biệt, mà sinh ra tên phàm phu sinh. Đó tức là chẳng phải sinh, là bất thiện sinh. Cũng như người bất thiện, bảo là « chẳng phải » người. Vả lại, các pháp, do các duyên họp lại mà thành, không phải do ngã tạo ra, cho nên gọi là chẳng phải sinh. Thế cho nên nói: Phàm phu sinh, đó là theo thế tục mà nói vậy. Vì chúng sinh, phần đông, ham chấp trước vào sắc thân Phật, do vậy, mới nói sắc thân là vô tánh. Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có thể thấy Như Lai bằng tướng thành tựu không? “Cho đến ... Chuyển Luân Thánh Vương... phải là Như Lai... như thế v.v...” Muốn từ sắc thân, mà thấy ý nghĩa pháp thân, để dễ thọ trì, nên Phật nói bài tụng:

*Nếu dùng sắc thấy ta
Lấy âm thanh cầu ta
Người ấy hành tà đạo,
Chẳng thấy được Như Lai.
Như Lai pháp là thân
Chỉ nên quán pháp tánh
Pháp tánh chẳng chỗ thấy*

Cũng lại không thể biết.

Lấy sắc mà thấy Ta v.v... là nghĩa gì? Nghĩa là: Có thấy tướng đẹp đẽ và hào quang, nên nói là thấy Phật, có nghe các văn tự lời lẽ của kinh giáo, rồi nói là ta đã theo đó mà được Như Lai. Người đó nói như thế, là vì đối với thân tướng đẹp đẽ và lời giảng pháp của thân ấy, rồi nương theo những điều kiện đó suy nghĩ tu tập mà đoạn trừ được phiền não.

Để dẹp bỏ cái thấy đó, kinh nói: “Người ấy hành tà đạo, chẳng thể thấy được Như Lai”. Nghĩa này là gì? Vì sắc và văn tự, tánh nó không chơn thật. Chấp lấy vào những cái đó, tức là đạo tà, hành đạo như thế, làm sao thấy được Phật!

Thế nào là thấy? Kinh nói: “Pháp Như Lai là thân, chỉ nên quán pháp tánh”. Pháp tánh, còn gọi là không tánh, không tự tánh, không sinh tánh v.v... Đó là thân Đệ nhất nghĩa của chư Phật. Cho nên nếu thấy được như vậy thì gọi là thấy Phật. Như kinh có nói: “Không sinh, không diệt là Như Lai”.

Trong Kinh Thập Vạn Tụng có nói: “Ngài Từ Thị vì nhờ thấy không tánh, nên gọi là thấy Như Lai. Trong Kinh Tát Già cũng nói: “Không chấp trước mà thấy, thì gọi là thấy Phật”. Không chấp trước gọi là thấy Phật; tức là nương vào pháp tánh và không chấp trước, dùng tâm trí thanh tịnh, mà thấu rõ pháp tánh. Vậy pháp tánh, này phải là đối tượng để (sở kiến) cũng chẳng là chủ thể biết chỗ của pháp tánh (năng tri) không có một vật có thể gọi là đối tượng để biết (sở tri). Do đó mà trí kia cũng không thể biết được. (không là năng tri)

Như có kinh nói: Này Đại Vương! Tất cả các pháp, tánh của nó đều giống như hư không, đồng làm chỗ nương tựa cho các vật. Nhưng thể tánh của nó, thì chẳng phải là có vật, cũng chẳng phải là không vật. Nếu có thể, ở chỗ vắng lặng này mà không thấy biết, thì gọi đó là thấu suốt. Gọi “biết”, là theo thế tục mà nói thôi!

Lại có nghi: Nếu trí tuệ, cũng chẳng thể biết được pháp tánh, thì tại sao chư Phật, lại thấy tướng đầy đủ trượng phu, mà chứng quả Bồ Đề? Như thế, là nhờ thấy tướng đầy đủ trượng phu, mà được chứng đạo Bồ Đề?

Để dẹp trừ nghi này, kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có lấy các tướng thành tựu, mà chứng được quả Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác Chẳng? v.v...” Ở đây là chỉ rõ tướng của pháp giới. Nghĩa nó là gì? Nếu tướng thành tựu, là do chơn thật mà có, thì khi tướng này mất, tức là có đoạn diệt. Nhưng không có Bồ-tát nào, thấy

pháp đoạn diệt cả. Vì sao? Là vì có sinh, tức phải có đoạn diệt; mà tất cả các pháp đều có tính không sinh, do đó, nó lìa bỏ cả hai bên thường và đoạn. Lìa bỏ hai thứ đó, là tướng pháp giới. Thế nên, đối với lời này, mà tin hiểu, thì đó là phước vô sinh, nên phải nhiều hơn phước bố thí châu báu. Như kinh nói: *Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào lấy bảy báu, của Hằng Hà số thế giới, đem ra bố thí. Nếu Bồ-tát nào được Vô Ngã, Pháp Nhãn Vô sinh v.v.. nhưng chỉ ham thích tu tập với pháp vô sinh thì phước sẽ nhiều hơn phước bố thí kia vậy.* Như tụng nói:

*Nếu người trì chánh pháp
Và phát tâm Bồ Đề
Không bằng hiểu tánh không
Một trong mười sáu phần.*

Lại có kẻ nghĩ: Nếu tất cả pháp, đều là vô sinh, thì tại sao, có phước đức sinh ra? Thế nên kinh nói: *“Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát chẳng nên chấp lấy phước đức v.v... Nói “Chẳng nên chấp lấy phước đức”, tức là theo Đệ nhất nghĩa, thì không có phước nào, có thể chấp lấy cả. Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát chẳng chấp lấy phước đức đó, tức là Bồ-tát, đối với phước đức đó, đã được đầy đủ toàn vẹn. Phật bảo: “Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên nhận lấy đó”, là vì Tục đế mà nói. Còn “chẳng nên tham đắm”, đó là vì Đệ nhất nghĩa đế mà nói.*

Lại có nghĩ: Nếu vì Đệ nhất nghĩa đế mà không có phước nào, có thể chấp lấy; thì tại sao các kinh khác, lại nói như thế này: *“Như Lai có phước đức, trí tuệ, tư lương, đều đầy đủ vẹn toàn, ngồi tòa Bồ Đề mà chứng Niết-bàn...?”* Để dẹp nghi này, kinh nói: *“Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: Như Lai hoặc đi, hoặc lại; hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm... thì người ấy không hiểu được nghĩa của Như Lai nói v.v...”*

Vì Niết-bàn, không có nơi chốn chân thật để đến với nó, nên gọi là đi. Còn Sinh tử cũng không có nơi chốn chơn thật, để từ đó ra khỏi, nên gọi là lại. Chẳng đi chẳng lại, đó là nghĩa của Như Lai. Đây là đã trình bày việc không trụ ở Niết-bàn. Tuy rằng Sinh tử và Niết-bàn không phải là một, cũng không phải là khác; nhưng đối với ba cõi lao ngục, thì đó là những dẫn dụ phải luôn luôn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, mãi tận các đời vị lai, không có bờ mé, giới hạn nào.

Lại có nghĩ: Nếu Sinh tử và Niết-bàn đều chẳng nắm bắt được, cho nên không có sự đi lại; thì Như Lai đâu cần phải chứa nhóm, tích tụ, hay hợp làm một, như núi Tu-di kia, mà an trụ được sao?

Để dẹp bỏ cái nghi ở đây, nói về cái thấy nó là một, và thường

còn, là không có phân chia, là không phân chia, là hợp làm một, kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, lấy ba ngàn đại thiên thế giới, nghiền ra làm bụi nhỏ (vi trần), thì số đám vi trần ấy có nhiều không? v.v...” Ở đây nói, đám vi trần ấy là rất nhiều, là để khiển trách cái thấy về tướng nhất hợp không phân chia. Còn nói “chẳng phải là đám vi trần”, là khiển trách cái thấy về tướng nhất hợp có phân chia.

“Ấy gọi là đám vi trần”, tức là chẳng phải vì vật có phân chia, mà gọi là đám. Lại để khiển trách cái thấy có chứa nhóm tích tụ; kinh nói: “Như Lai nói ba ngàn đại thiên thế giới, tức chẳng phải thế giới v.v...”

Vì sao lại nói chẳng phải thế giới? Kinh nói: “Nếu thế giới thật có tức là thấy có nhất hợp”. Vì sao chẳng muốn có cái thấy nhất hợp?

- Kinh nói: “Tức là chẳng phải thấy”. Vì sao chẳng phải thấy? Vì đối với cái chẳng có mà cứ vọng thấy. Như kinh nói: “Cái nhất hợp tức là chẳng thể nói. Chỉ vì có ngã kiến phàm phu, chấp sự tướng thôi”. Nghĩa là sao? Nói nhất hợp, đây là tướng Tục đế, chẳng có thật. Vì sao? Vì theo Đệ nhất nghĩa, bản tánh của tất cả pháp, là không sinh. Vì không sinh, nên chẳng nắm bắt được. Vì chẳng nắm bắt được, nên lia bỏ các lời lẽ nói năng, nhưng ngã chấp phàm phu ở trong đó mà vọng chấp. Nếu chẳng muốn có ngã kiến, thì cùng với lời dạy (giáo) trái nhau. Như có bài Tụng nói:

*Ngã lấy mình mà nương
Há lấy khác mà nương
Bậc trí điều khiển ngã
Sinh lên Trời, hưởng vui.*

Để dẹp cái nghi trên, nên kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: Như Lai nói ngã kiến, chúng sinh kiến, mạng kiến, thủ kiến... thì đây là lời nói có đúng không? v.v...” Vì sao Phật lại nói, có thấy ta ư? Là vì muốn dẫn dụ nhiếp thọ những kẻ tin ưa.

Đây là đối với năm uẩn, tùy Tục đế mà gọi tên, chứ chẳng phải là nói thật. Thế nên, cái thấy có ta của chư Phật, là tánh xa lia. Như kinh nói: “Tức chẳng phải ngã kiến v.v...” Thế Tôn, vì đã xa lia các cái thấy hợp nhau về Sinh tử, về Niết-bàn, về ngã v.v... mà được Bồ đề. Lại vì thương xót tất cả các loài, muốn làm cho chúng đồng chứng như mình, nên nói: “Này Tu-bồ-đề! Kẻ phát tâm Bồ-tát thừa, đối với tất cả pháp, nên biết như thế, thấy như thế và tin hiểu như thế”.

“Thấy biết chẳng sinh tướng pháp tri kiến, tức là lúc chứng quả.

“Tin hiểu” là lúc tu tập. Người tin hiểu, thì pháp tướng còn chẳng

sinh, hướng chi là tướng chẳng phải pháp.

Tướng pháp và tướng chẳng pháp, ở đây nói, tức là các phân biệt tướng pháp là như pháp và không như pháp.

Vì sao lại chẳng sinh tướng như pháp? Kinh nói: Tướng pháp đó, Như Lai nói, là chẳng phải tướng. Đây là thế nào? - Nghĩa là tất cả pháp, đều là tính vô sinh. Nếu vô sinh, tức chẳng có, thì làm sao mà thấy biết (tri kiến). Vì Tục đế thì như kinh nói: “Đó gọi là tướng pháp”.

Vì sao lại còn nói về phước thọ trì kinh?

Vì muốn cho tất cả chúng sinh hoàn toàn tin hiểu vậy. Kinh nói: “Như không có diễn nói, ấy gọi là nói”. Đây muốn nói điều gì? Theo Đệ nhất nghĩa, thì không có thế gian và xuất thế gian, không có một chút pháp một chút vật nào có thể nói, có thể là nghĩa như thật.

“Nói như thế đó, mới gọi là nói”. Đây là không trụ vào Niết-bàn mà quán sát pháp hữu vi, rồi sau đó mới chứng. Quán sát như thế nào? Kinh nói : Khi đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tất cả pháp Hữu Vi
Như Sao, Màng, Đèn, Huyền
Sương Bọt, Mộng, Chớp, Mây
Nên quán xét như vậy.*

Trong tụng này, là quán sát chín thứ thể tướng Hữu vi. Chín pháp đó là gì? Đó là quán sát tự tại, quán sát cảnh vật, quán sát sự dời đổi, quán sát thể tánh, quán sát sự trẻ già, quán sát kiếp sống (thọ), quán sát kẻ tạo tác, quán sát tâm, quán sát sự có - không.

Về quán sát sự tự tại, ví như các ngôi sao. Vì các ngôi sao ở trên khoảng cao xanh, vận chuyển theo phương hướng của mình, ánh sáng rực rỡ chói lòa trong một thời gian, rồi cũng lặn biến mất. Cũng như hàng Người, Trời; thọ các phước báu giàu có sang trọng, được bao người tôn quý, kính phục; tuy được tự tại trong khoảng thời gian lâu nhưng rồi cũng trở về không!

Quán sát cảnh vật ví như màng mắt. Vì người bị đau mắt có màng, khi nhìn lên khoảng không trong vắt, thì lại thấy vô số những sợi lông nhỏ, nhầy múa, hoặc có hai mặt trắng... các thức bị màng che u tối cũng như thế; đối với lý chân thật, là chỗ không có vật nào, nhưng lại thấy trong ngoài thế gian, xuất thế gian với vô số đủ các pháp....

Quán sát sự dời đổi ví như đèn. Như ngọn lửa của tim đèn, cháy sáng lên, hoặc tắt đi, cũng ở chỗ đầu tim đèn, không đi đến chỗ khác. Nhưng nhân ngọn lửa đèn này chỗ cháy sáng khác hại sinh. Từng niệm, từng niệm liên tục nhau mà dời đổi, chúng sinh cũng như thế, thân các

uẩn ở cõi đời trước, thì cũng sinh và mất ở cõi đời trước, không chạy sang các cõi khác. Nhưng nhân có thân uẩn đời trước, mà các uẩn đời sau sinh ra. Cứ liên tục sinh mãi như thế, giống như luôn có sự biến chuyển đổi đời. Đây là nói chúng phàm phu, nhiều lần qua lại các cõi.

Quán sát thể tánh ví như huyền thuật. Như ảo thuật biến hóa làm hiện ra hình dạng trai gái. Người có thể quán xét thì biết rõ thể tánh nó là không có, người không hiểu, cứ chấp cho là thật có. Tất cả các pháp trên đời này cũng thế. Từ vọng duyên mà sinh ra, chứ từ xưa đã không hề có thật thể. Kể chưa hiểu sự thật đó, nên thấy đó cho là thể thật.

Quán sát trẻ già ví như sương sớm, như hạt sương buổi sớm, khi gặp mặt trời lên, thì liền tan ngay; hình dung đẹp đẽ của thời xuân sắc cũng như thế, tất cả đều là vô thường, gặp đó rồi rời xa đó.

Quán sát kiếp sống ví như bọt nước. Vì như bọt nước, có cái mới sinh chưa đủ hình thể, có cái vừa sinh ra, có cái tạm hiển hữu đó... nhưng rồi liền tất cả bể hết. Kiếp sống con người cũng thế. Hoặc mới thác, sinh vào bào thai, lớn lên, sinh ra... Lại từ tuổi thơ đến trẻ, trung niên, cho đến già suy, rồi cuối cùng hoại diệt.

Quán sát kẻ tạo tác ví như một giấc mơ. Vì trong giấc mơ, các việc thấy nghe hoạt động trước đó, chỉ còn trong trí nhớ, rồi phân biệt ôn nhớ để dành đó. Tuy không có ai tạo nên, nhưng mọi hình ảnh, cảnh vật đó, hiện ra rõ ràng trước mắt. Cũng như thế, tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, có vô số phiền não, đủ các thứ nghiệp thiện ác, huân tập, gom góp, chứa nhóm ở đó. Tuy không có cái ngã, là người tạo tác, nhưng hiện ra những sự sinh tử không cùng tận.

Quán sát tâm ví như ánh chớp. Vì như ánh chớp vừa lóe lên, liền tắt ngấm. Tâm cũng thế, từng sát na một, hiện ra rồi vụt mất.

Quán sát có và không ví như đám mây trời. Đám mây trên trời, mới có đó, thoáng chốc đã mất. Các pháp hữu vi cũng thế, thể tánh nó vốn không, chỉ do các vọng duyên mà có. Các nhân duyên, còn hội hợp, thì còn đó, khi các nhân duyên tan, thì trở về không. Lại nữa, trước đây nương dựa vào Tục đế lấy Sao, Màng v.v... chín dụ để chỉ các pháp hữu vi. Sau đó dựa vào Trung luận Đề nhất nghĩa, thì tất cả pháp chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng đoạn dứt, chẳng còn hoại, chẳng một, chẳng khác, chẳng lại chẳng đi. Và trong Bát Nhã Ba-La-Mật thì tất cả các pháp không có tính chứa nhóm, tích tụ trụ yên.

Giải thích bài Tụng này, có nghĩa như thế nào?

Ví như ánh sáng sao, tự thể của nó là thường mất. Pháp hữu vi cũng như thế, tánh luôn đổi đời biến mất. Như người đau mắt, tuy không

có ai làm, chỉ do bệnh mà có. Pháp hữu vi cũng vậy, chỉ từ duyên mà khởi lên. Thí như ánh lửa ngọn đèn, từng niệm từng niệm luôn dứt mất. Pháp hữu vi cũng thế. Từng sát na chẳng dừng, những thứ do người ảo thuật đã làm, kẻ không hiểu, thì chấp cho là thật, là còn hoài. Kẻ ngu si mê muội, chấp pháp hữu vi, cho là thật, cũng y như thế.

Ví như hạt sương mai tươi mát, ở trên các vật với nhiều hình dạng, nhưng thế chỉ là một. Đó là các nội uẩn hữu vi thấm đượm, cứ mãi sinh sôi, dù mỗi thứ có riêng bản chất, nhưng đồng có ái hỗ trợ. Như nhân nước mưa lại tạo thành bọt nước. Mỗi loại theo cách riêng mà sinh, cách riêng mà diệt. Các hành của chúng sinh cũng thế. Tám vạn bốn ngàn thứ riêng sinh, riêng diệt. Như cảnh trong mơ, không biết từ đâu mà đến, nhưng tâm mê vẫn vọng thấy rõ ràng. Pháp hữu vi cũng như thế. Nó không hề có chỗ nào đến, nhưng vô minh vọng thức lại thấy có đến. Ví như ánh chớp sáng lòe, tánh chẳng hề dời đổi, chỗ trước diệt trước, ở sau sinh sau. Vì tướng nó giống nhau, nên bảo là đi. Các pháp hữu vi ra đi cũng y như thế. Thí như đám mây giữa không trung, vẫn mãi bồng bềnh trôi nổi, có khi nào tụ họp đứng yên. Các tướng hữu vi so đầy ắt biết. Như thế gọi là nương vào Tục đế, mà an lập pháp hữu vi.

Như trong trung luận, thì lập nghĩa chơn thật Chẳng sinh v.v... Đối với pháp hữu vi cũng nên biết như thế. Đây lại thế nào? Trong luận ấy, mình và người, đều không có nhân; quán sát các pháp, thấy chúng vốn là nghĩa vô sinh. Như thế khác nào vì đau mắt mà thấy pháp hữu vi hiện ra khắp chốn. Nhưng nên biết, nó là chẳng sinh. Vì chẳng sinh, nên ánh sáng sao trời có diệt là trái đạo lý. Pháp hữu vi cũng thế, nên biết nó là chẳng diệt.

Lại nữa, vì chẳng sinh, nên tự thể ngọn đèn kia còn chẳng thể có được, huống là có sát-na nào mà bảo là đoạn. Hữu vi là chẳng đoạn. So đây nên biết.

Lại vì chẳng sinh, nên giống kẻ ảo thuật làm trò. Pháp hữu vi cũng không có nghĩa là thường còn. Cho nên, biết là chẳng thường.

Lại vì chẳng sinh, nên giống như sương sớm. Các pháp hữu vi, với nghĩa “một” không thành, thì ái dục thấm đầy, chẳng hợp đạo lý. Cho nên biết là chẳng phải một.

Lại vì chẳng sinh, nên giống bọt nước. Pháp hữu vi có sai khác, nhưng không thành tánh khác. Cho nên, biết là chẳng phải khác.

Lại vì chẳng sinh, nên giống cảnh trong mơ. Pháp hữu vi vốn không có nghĩa là lại. Cho nên, biết là chẳng lại.

Lại vì chẳng sinh, nên giống với ánh điện chớp. Pháp sinh diệt, vì

có sự giống nhau, nên nói đó là đi, thì chẳng tương ứng. Phải biết nó là chẳng đi.

Lại còn vì chẳng sinh, pháp ấy như mây trời, thể còn chẳng có, lấy đâu mà hợp nhau, mà đứng yên (trụ). Như thế cần nên biết. Tụng nói:

*Nay, con Công Đức Thí Vì phá các mê
chấp*

*Mở ra cửa Trung-quán Nói tóm lược nghĩa
kinh, Nguyên tất cả chúng sinh Thấy nghe
và thọ, trì*

*Hiếu Chân không phá Tục Tâm thông suốt
không ngại.*

